TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T.X.** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2018/QĐST-KDTM	*T.X., ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2017/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2017,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH MTV QLTS. (VA.).**

Địa chỉ: Số 22 HV., phường L., quận H., Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tiến Đ.** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị B.** (theo giấy ủy quyền số 4577B/2018/UQ-S..Bank ngày 21/4/2018)

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Dịch vụ T.**

Địa chỉ: Số 6+7 C2 V.T.P., phường K., quận T.X., Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành Ch.** – Chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Nguyễn Tuấn Nh.**, sinh năm: 1944.

+ Bà **Vũ Thị K.A.**, sinh năm: 1947.

HKTT và cư trú tại: Căn hộ 302 C1 tập thể Ủy ban KHNN phường L., quận Đ., Hà Nội.

Ủy quyền cho bà **Nguyễn Thị V.A.**, sinh năm: 1971; HKTT: Căn hộ 302 C1 tập thể Ủy ban KHNN phường L., quận Đ., Hà Nội (theo giấy ủy quyền lập ngày 07/5/2018)

+ Ông **Vũ Xuân Ph.**, sinh năm: 1944

+ Bà **Nguyễn Thị L.**, sinh năm: 1953

Cùng đăng ký HKTT: Tổ 19 phường Ngh., quận C., Hà Nội.

Cư trú tại: Số 94 ngách 27/29 V.C.C, P. Ngh., Q. C., T.p Hà Nội.

+ Ông **Vũ Tú N.**, sinh năm: 1985

+ Bà **Phạm Thị Thanh H.**, sinh năm: 1985

+ Cháu **Vũ Phạm D.A.**, sinh năm: 2007

+ Cháu **Vũ Phạm Đ.A.**, sinh năm: 2013

+ Cháu **Vũ Phạm Q.A.**, sinh năm: 2015

Cùng đăng ký HKTT: Tổ 19 phường Ngh., quận C., Hà Nội.

Cư trú tại: Số 94 ngách 27/29 V.C.C, P. Ngh., Q. C., T.p Hà Nội.

(cháu D.A,, Đ.A. và Q.A. do ông **Vũ Tú N.** và **bà Phạm Thị Thanh H.** làm đại diện theo pháp luật).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH Dịch vụ T. và S..Bank xác nhận ký các Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 402.TH.01 ngày 06/8/2010, Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 403.TH.02 ngày 06/10/2010, Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 403.TH.03 ngày 21/12/2010, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 403.NH.08 ngày 25/6/2012.

Tài sản bảo đảm thứ nhất: Quyền sử dụng 55,62 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số - , tờ bản đồ số - , tại địa chỉ: Căn hộ số 94, tổ 19, xóm 3 Ngh., phường Ngh., quận C., thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 011301523401035, hồ sơ gốc số: 2077/2007/QĐ-UBND/11/926 do UBND quận C. cấp ngày 12/10/2007 cho ông Vũ Xuân Ph. và bà Nguyễn Thị L..

Tài sản bảo đảm thứ hai: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với căn hộ số 302 – C1 – TT. Ủy ban KHNN phường L., quận Đ., thành phố Hà Nội, tổng diện tích sử dụng căn hộ là 33,7 m2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109396225, Hồ sơ gốc số

2017.2004.QĐUB/3083.2004 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/4/2004 cho ông Nguyễn Tuấn Nh. và bà Vũ Thị K.A..

Ngày 24/8/2015, Công Ty TNHH MTV QL. (VA.) đã ký Hợp đồng mua, bán nợ số 16391/2015/MBN.VA.2-SEABANK với S..Bank để mua khoản nợ của Công ty TNHH Dịch vụ T.

Tính đến ngày 08/8/2018, Công ty TNHH Dịch vụ T. xác nhận còn nợ Công Ty TNHH MTV QL. (VA.) số tiền là: 6.434.401.348 đồng; (gồm 3.271.269.481 đồng nợ gốc, 743.727.572 đồng lãi trong hạn và 2.419.404.295 đồng lãi quá hạn).

Công ty TNHH Dịch vụ T. cam kết thanh toán toàn bộ số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 08/8/2018 và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/8/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 402.TH.01 ngày 06/8/2010, Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 403.TH.02 ngày 06/10/2010, Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số 403.TH.03 ngày 21/12/2010, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 403.NH.08 ngày 25/6/2012 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ theo kế hoạch sau cho Công Ty TNHH MTV QL. (VA.):

+ *Từ tháng 9/2018 đến tháng 7/2019: Chậm nhất ngày 05 hàng tháng thanh toán tối thiểu 20.000.000 đồng nợ gốc;*

+ *Chậm nhất ngày 05/8/2019, sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.*

Nếu Công ty TNHH Dịch vụ T. vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào theo thỏa thuận nêu trên thì Công Ty TNHH MTV QL. (VA.) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

+ Quyền sử dụng 55,62 m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số - , tờ bản đồ số - , tại địa chỉ: Căn hộ số 94, tổ 19, xóm 3 Ngh., phường Ngh., quận C., thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 011301523401035, hồ sơ gốc số: 2077/2007/QĐ-UBND/11/926 do UBND quận C. cấp ngày 12/10/2007 cho ông Vũ Xuân Ph. và bà Nguyễn Thị L..

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với căn hộ số 302 – C1 – TT. Ủy ban KHNN phường L., quận Đ., thành phố Hà Nội, tổng diện tích sử dụng căn hộ là 33,7 m2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109396225, Hồ sơ gốc số 2017.2004.QĐUB/3083.2004 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/4/2004 cho ông Nguyễn Tuấn Nh. và bà Vũ Thị K.A..

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ thu nợ thì Công ty TNHH Dịch vụ T. vẫn tiếp tục phải thanh toán số tiền còn lại.

Về án phí:

Công ty TNHH Dịch vụ T. phải chịu 57.217.200 đồng (năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, hai trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công Ty TNHH MTV QL. (VA.) được trả lại 56.911.600 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08228 ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. T.X., T.p Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T.X.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh